

nhằm ngăn chặn tai nạn lao động hoặc sự cố có thể xảy ra ;

— Thông báo về tình hình tai nạn lao động từng thời gian ;

— Công văn thỏa thuận với các ngành, các cấp quản lý sản xuất về các ngành, nghề cụ thể được hưởng bồi dưỡng bằng hiện vật, trang bị bảo hộ lao động, căn cứ vào nguyên tắc, chế độ chung của Nhà nước và chủ trương đã có của Bộ ;

— Công văn đề xuất với các cơ quan quản lý sản xuất, các cơ quan khoa học kỹ thuật nghiên cứu các biện pháp về kỹ thuật để cải thiện điều kiện làm việc, đề phòng tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho công nhân, lao động ;

— Công văn kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền đề thi hành kỷ luật các cá nhân không chấp hành luật lệ bảo hộ lao động hay không thực hiện kiến nghị của cán bộ thanh tra mà không có lý do chính đáng, hoặc đưa ra truy tố xét xử các cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm đề xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng làm thiệt hại đến tính mạng của công nhân và tài sản của Nhà nước ;

— Công văn báo cho các nơi đề yêu cầu chuẩn bị làm việc với các đoàn cán bộ thanh tra của ban, giấy giới thiệu cán bộ hoặc đoàn cán bộ thanh tra của ban đi công tác từng thời gian và công văn giấy tờ có tính chất hành chính, sự vụ khác ;

— Công văn yêu cầu các nơi đã được thanh tra báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp do cán bộ thanh tra kiến nghị ; yêu cầu các cơ quan lao động các ngành, các địa phương, các giám đốc xí nghiệp cung cấp những tài liệu về tình hình thực hiện công tác bảo hộ lao động tại các ngành, các địa phương, các xí nghiệp.

Điều 3. — Đề quan hệ với các cơ quan, xí nghiệp, Ban thanh tra kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động được sử dụng con dấu riêng.

Hình thẻ, khuôn khò, nội dung con dấu và việc quản lý, sử dụng con dấu của Ban thanh tra kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động phải theo đúng quy định về việc quản lý, sử dụng con dấu trong nghị định số 56-CP ngày 17-3-1966

của Hội đồng Chính phủ và thông tư số 3-VP/CA ngày 12-2-1966 của Bộ Công an hướng dẫn việc thi hành.

Điều 4. — Các ông Trưởng ban thanh tra kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động, Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ và Chánh văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 26 tháng 11 năm 1969

Bộ trưởng Bộ Lao động
NGUYỄN HỮU KHIẾU

BỘ NGOẠI THƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 1050-BNgT/KTTV/QĐ
ngày 20-11-1969 duyệt y bản quy
định về tiền công kiểm kiện hàng
hóa xuất nhập khẩu.

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ nghị định số 203-CP ngày 23-11-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Ngoại thương ;

Căn cứ quyết định số 72-BNT/TCCB/QĐ ngày 15-2-1965 của Bộ Ngoại thương thành lập Sở giám định hàng hóa xuất nhập khẩu ;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ kế toán tài vụ và ông Giám đốc Sở giám định hàng hóa xuất nhập khẩu.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay duyệt y bản quy định của Sở giám định hàng hóa xuất nhập khẩu về tiền công kiểm kiện hàng hóa xuất nhập khẩu đối với tàu ngoại quốc.

Điều 2. — Đối với các tàu trong nước, chi thu 50% tiền công quy định.

Điều 3. — Bản quy định này áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 1970.

Điều 4. — Ông Chánh văn phòng, ông Vụ trưởng Vụ kế toán tài vụ Bộ Ngoại thương và ông Giám đốc Sở giám định hàng hóa xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 20 tháng 11 năm 1969

Bộ trưởng Bộ Ngoại thương

PHAN ANH.

BẢN QUY ĐỊNH TIỀN CÔNG KIỂM KIẾN HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Tiền công kiểm kiến hàng hóa xuất nhập khẩu ấn định bằng tiền Việt-nam và thu bằng tiền ngoại tệ theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Đối với các tàu các nước xã hội chủ nghĩa và tàu nước khác do một nước xã hội chủ nghĩa thuê và quản lý, sẽ thu bằng đồng tiền dùng để thanh toán trong việc trao đổi hàng hóa giữa nước Việt-nam với nước đó.

II. GIÁ CÔNG

1. Hàng hóa đóng trong một loại bao bì thống nhất như: gạo, đỗ, ngô, bột, đường, phân bón, xi-măng, vôi bột, v.v... thu 0,16 đồng/tấn.

2. Sắt thép (thanh, bó, ống, tấm) thuộc từng vận đơn riêng, gỗ cày, gỗ xẻ, thu 0,50 đồng/tấn;

3. Hàng hóa ngoài diện quy định ở điểm 1 và 2, thu 0,55 đồng/tấn.

III. NHỮNG TRƯỜNG HỢP THU THÊM

1. Làm việc trong những ngày lễ do Nhà nước Việt-nam quy định, thu thêm 100% của tổng số tiền công/tấn trong ngày đó.

2. Làm việc tại các tàu không đậu tại các cầu cảng, thu thêm 20% của tổng số tiền công/tấn trong thời gian giao nhận ở các nơi đó.

3. Đối với hàng hóa có chất độc, nguy hiểm, thu thêm 35%.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

QUYẾT ĐỊNH số 53-QĐ ngày 24-10-1969

quy định việc trang bị phòng hộ lao động cho cán bộ, nhân viên kho quỹ, thu phát, kiểm ngân trong ngành ngân hàng.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

Căn cứ nghị định số 171-CP ngày 26-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt-nam;

Căn cứ thông tư số 13-LĐTT ngày 29-9-1962 của Bộ Lao động quy định nguyên tắc cấp phát sử dụng và giữ gìn trang bị phòng hộ lao động

Xét tính chất và hoàn cảnh công tác của thủ kho, thủ quỹ, nhân viên thu phát, kiểm ngân của ngân hàng Nhà nước Việt-nam và khả năng cung cấp vật tư;

— Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ pháp hành và kho quỹ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay quy định việc trang bị phòng hộ lao động cho cán bộ, nhân viên kho quỹ, thu phát, kiểm ngân trong ngành ngân hàng Nhà nước Việt-nam như sau:

a) Thủ kho và phụ kho phát hành Ngân hàng Nhà nước Việt-nam trung ương, các chi kho dự trữ ngân hàng tỉnh, được cấp mỗi người:

— Một bộ quần áo phòng hộ lao động, dùng trong 1 năm;

— Một độn vai bằng vải bạt, dùng trong 2 năm,

— Một khăn để lau tay, dùng trong 6 tháng;

— Hai bánh xà phòng, dùng trong 3 tháng,

— Ba khẩu trang, dùng trong 3 tháng (cấp một lần 3 cái để thay đổi).

b) Đối với những anh chị em thủ kho, phụ kho, thủ quỹ (thủ quỹ quỹ nghiệp vụ, thủ quỹ ngoại tệ, thủ quỹ tiết kiệm), nhân viên thu phát, kiểm ngân ở các chi nhánh nghiệp vụ, chi điểm, phòng giao dịch, được cấp mỗi người: